

Bản án số: 151/2018/HS-PT
Ngày: 30-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Ông Lê Lâm Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thanh H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thanh H (G), sinh năm: 1952 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp C, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam, tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị H; Vợ là Phạm Thị D và 07 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ ngày 09 đến ngày 23/5/2017 bị cáo Phạm Thanh H thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của ông Bùi Ngọc C đã bị công an huyện A, tỉnh Kiên Giang ra quyết định xử phạt hành chính số: 14/QĐ-XPVPHC, ngày 31/01/2018 số tiền 3.500.000 đồng; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/12/2017 đến ngày 13/02/2018 được bảo lãnh tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:

Luật sư Lại Hùng A – Văn phòng luật sư Hùng A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- Bị hại không có kháng cáo:

Ông Bùi Ngọc C, sinh năm 1949 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 7 C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh H tranh chấp với ông Bùi Ngọc C diện tích đất 142,5 m² cặp Quốc lộ 63, đoạn ấp 7 C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nhưng không khởi kiện tại Tòa án mà chỉ khiếu nại đòi đất. Việc khiếu nại này được Ủy ban nhân dân huyện A giải quyết bằng Quyết định số 271/QĐ-UB ngày 27/8/2002 và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết bằng Quyết định số 548/QĐ-CT ngày 13/3/2003 với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Sau đó, ông C cho lại diện tích đất này cho con gái tên Bùi Thị Trang A.

Thực hiện Quyết định số 2565/QĐ-UB ngày 10/11/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt “Phương án bồi thường thiệt hại đất đai, hoa mùa, vật kiến trúc và hỗ trợ để giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị U - hạng mục: Khu hành chính tại ấp 7 C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang” diện tích đất trên bị thu hồi và chị Bùi Thị Trang A được bồi thường số tiền là 22.243.800 đồng.

Do Ban quản lý không sử dụng hết phần đất thu hồi của chị Trang A, nên ông Bùi Ngọc C cất 01 căn nhà lợp tol, không dùng vách, nền xi măng, rộng 5,65m, dài 8,45m ở cặp mé sông, trị giá theo kết luận giám định tài sản số 02/HĐĐG, ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận tổng trị giá tài sản là 23.394.577 đồng để cho thuê, nhưng các cơ quan chức năng chưa có nhu cầu sử dụng diện tích đất này nên không có ý kiến gì.

Khoảng 9 giờ ngày 10/11/2017, Phạm Thanh H kêu em ruột là Phạm Thanh H1 và cháu ruột là Nguyễn Thanh H, Nguyễn Chí H di dời căn nhà của ông C xây dựng nêu trên.

Phạm Thanh H1, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Chí H biết rõ căn nhà không phải của ông H mà là của người khác nhưng do nghe lời ông H nên đồng ý đến dời căn nhà. Ông H1 mang theo 01 cây thang, 01 cây búa, 01 cây xà beng và kêu Nguyễn Thanh H đi mua thêm 02 cây xà beng để tiến hành tháo dỡ căn nhà theo sự chỉ dẫn của ông H (là ông H kêu dỡ đến đâu thì làm đến đó). Quá trình tháo dỡ ông Hòa và bị cáo Hiền, Hải xếp cây một bên, tol một bên, còn ông H trong lúc đang chỉ dẫn tháo dỡ nhà thì bị Công an xã Đ mời về làm việc (do ông Bùi Ngọc C trình báo). Còn Phạm Thanh H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Chí H ở lại tiếp tục tháo dỡ hoàn toàn căn nhà rồi bỏ đi về nhà.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 cây thang, 01 cây búa, 03 cây xà beng do ông Phạm Thanh H1 quản lý và bỏ mất. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thanh H phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 143, Điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thanh H 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 25/12/2017 đến ngày 13/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/5/2018, bị cáo Phạm Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh H thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A đã xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” theo Khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Phạm Thanh H về tội “Hủy hoại tài sản” là phù hợp, các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng và mức án đã tuyên đối với bị cáo H 01 năm tù là thỏa đáng. Bởi vì H là người rủ rê, lôi kéo, chỉ dẫn cho các bị cáo khác tháo dỡ căn nhà của bị hại. Ngoài ra, trước đó từ ngày 09 đến ngày 23/7/2017 bị cáo còn thuê người cưa cây gỗ của ông Bùi Ngọc C nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 31/01/2018 Công an huyện A ra quyết định xử phạt hành chính 3.500.000 đồng, việc bị cáo liên tục xâm phạm tài sản của người khác thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, mức án Tòa cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của luật sư Lại Hùng A bào chữa cho bị cáo: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do bức xúc từ việc tranh chấp đất đai, do hạn chế về mặt nhận thức pháp luật. Bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bản thân đang có bệnh nên đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh H đã đúng qui định về người có quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Quyết định của Bản án sơ thẩm:

a. Qua quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ xác định: Do mâu thuẫn từ việc tranh chấp đất đai nên Phạm Thanh H đã rủ Phạm Thanh H1, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Chí H mang theo búa, xà beng, thang đến dỡ nhà lợp tol, không dừng vách ở cặp mé sông xáng X, thuộc ấp 7 C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang của gia đình ông Bùi Ngọc C.

b. Bị cáo biết rõ căn nhà này thuộc sở hữu của ông Bùi Ngọc C nhưng vẫn rủ rê những người khác đến phá dỡ, làm cho căn nhà mất giá trị sử dụng, không thể khôi phục lại được, qua kết luận định giá, tài sản bị hủy hoại có giá trị là 23.394.577 đồng nên án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

c. Án sơ thẩm đã xác định bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi tháo dỡ căn nhà của gia đình ông Bùi Ngọc C. Khi công an xã đến mời bị cáo về làm việc thì bị cáo không kêu các bị cáo khác dừng lại mà để cho các bị cáo khác tiếp tục thực hiện hành vi tháo dỡ căn nhà hoàn toàn theo chỉ dẫn của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ, án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải để áp dụng điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng nên án sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là có căn cứ và đúng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Xét kháng cáo xin của bị cáo, thấy rằng, đối với mảnh đất tranh chấp với ông C thì bị cáo đã từng khiếu nại đòi lại đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết với nội dung không chấp nhận khiếu nại nhưng bị cáo không chấp hành mà từ ngày 09 đến ngày 23/5/2017, lại thuê người đến cưa cây gỗ của gia đình bị hại, đã được lập biên bản vi phạm hành chính nhưng sau đó bị cáo lại tiếp tục phá hủy tài sản của gia đình ông Bùi Ngọc C. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ và hậu quả do hành vi

phạm tội bị cáo gây ra, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để quyết định mức hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do bức xúc từ việc tranh chấp đất đai, do hạn chế về mặt nhận thức pháp luật. Bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bản thân đang có bệnh nên đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, các tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa nêu ra đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ nên quan điểm của người bào chữa là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về điều luật áp dụng:

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng Điều 178 đối với tội “Hủy hoại tài sản”, bởi lẽ Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999 có quy định loại hình phạt tù chung thân là loại hình phạt nặng hơn hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức cao nhất là 20 năm tù, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, tù có thời hạn được quy định tương ứng tại Điều 38 – Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thanh H 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 25/12/2017 đến ngày 13/02/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 14/2018/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam – CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan THAHS – CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hiếu